

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

ĐỀ ÁN

**TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
THEO CÁC ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC
DÙNG CHO VIỆT NAM**

(Kèm theo tờ trình số 545 TTr/ĐHTN ngày 9 tháng 4 năm 2019)

THÁI NGUYÊN, THÁNG 04/2019

MỤC LỤC

<u>1. GIỚI THIỆU VỀ ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN</u>	<u>1</u>
1.1. GIỚI THIỆU CHUNG.....	1
1.2. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ.....	1
<u>2. CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG</u>	<u>2</u>
2.1. CƠ SỞ VẬT CHẤT TỔ CHỨC THI.....	2
2.2. PHẦN MỀM TỔ CHỨC THI TRÊN MÁY VI TÍNH.....	3
2.3. ĐỘI NGŨ KỸ THUẬT VIÊN HỖ TRỢ CNTT VÀ HỖ TRỢ CÁC PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT KHÁC.....	3
2.4. CÁN BỘ PHÂN TÍCH ĐỀ THI	3
<u>3. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ THỰC HIỆN THI ĐGNLNN VÀ NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI.....</u>	<u>3</u>
3.1. CÁN BỘ RA ĐỀ.....	5
3.2. CÁN BỘ CHẤM THI	5
3.3. NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI.....	6
3.4. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI VÀ CÁCH ĐÁNH GIÁ (VỚI ĐỀ THI TIẾNG ANH)	6
3.4.1. ĐỀ THI BẬC 2	6
3.4.2. ĐỀ THI BẬC 3-5:.....	9
<u>4. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THI.....</u>	<u>12</u>
4.1. PHƯƠNG THỨC TỔ CHỨC THI.....	12
4.3. LỊCH THI DỰ KIẾN NĂM 2019.....	12
<u>5. CAM KẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN</u>	<u>14</u>
<u>6. PHỤ LỤC.....</u>	<u>15</u>

1. Giới thiệu về Đại học Thái Nguyên

1.1. Giới thiệu chung

Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) được thành lập năm 1994 theo Nghị định 31/NĐ-CP của Chính phủ. ĐHTN là đại học khu vực đa lĩnh vực, đa ngành, đa cấp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bộ máy tổ chức của Đại học được xây dựng theo mô hình đại học 2 cấp: cấp Đại học và cấp cơ sở giáo dục đại học thành viên, đơn vị trực thuộc. Đại học làm nhiệm vụ hoạch định phương hướng, xây dựng chiến lược phát triển và quản trị đại học; các cơ sở giáo dục đại học thành viên trực tiếp làm nhiệm vụ đào tạo, NCKH; các đơn vị trực thuộc làm các nhiệm vụ nghiên cứu, phục vụ nghiên cứu, phục vụ đào tạo và dịch vụ.

Tính đến 01/4/2019, Đại học hiện có **26** đơn vị trực thuộc, trong đó có **11** đơn vị đào tạo (gồm 07 trường đại học, 01 trường cao đẳng, 02 khoa chuyên môn trực thuộc, 01 Phân hiệu) thực hiện nhiệm vụ đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực khoa học: Giáo dục, Nông lâm nghiệp, Thủy sản, Kỹ thuật công nghiệp, Y học, Khoa học tự nhiên, Xã hội và nhân văn, Công nghệ thông tin, Kinh tế Tài chính, Ngôn ngữ; có **15** đơn vị nghiên cứu, phục vụ đào tạo và dịch vụ (gồm 05 viện nghiên cứu; 01 Bệnh viện thực hành, 01 Nhà xuất bản và 08 Trung tâm).

Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển, ĐHTN đã có những bước phát triển mạnh mẽ, từng bước khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng trong việc thành lập các đại học vùng.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ

ĐHTN có chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trình độ sau đại học, đại học và các bậc học thấp hơn thuộc các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ, nông lâm ngư nghiệp, văn hóa, giáo dục, y tế, kinh tế tài chính và ngoại ngữ. Song song với công tác đào tạo, ĐHTN còn có nhiệm vụ nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật – công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của vùng trung du, miền núi Bắc bộ nói riêng và cả nước nói chung.

Với đội ngũ 151 giảng viên tiếng Anh, ĐHTN đã và đang giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ, và đào tạo sinh viên các chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh với quy mô hơn 1.500 sinh viên. Đặc biệt, ngày 05 tháng 02 năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra Quyết định số 474/QĐ-BGDĐT cho phép ĐHTN đào tạo trình độ thạc sĩ ngành ngôn ngữ Anh và ngôn ngữ Trung Quốc. Tính đến tháng 12 năm 2018, ĐHTN đã tổ chức thi tuyển sinh đầu vào 05 đợt thi với tổng số học viên hiện đang tham gia chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh là hơn 100 học viên và đã có 14 học viên khoá 1 tốt nghiệp.

2. Các điều kiện chung

2.1. Cơ sở vật chất tổ chức thi

ĐHTN là Đại học vùng với 07 trường đại học, 01 trường cao đẳng, 02 khoa trực thuộc và 01 phân hiệu tại tỉnh Lào Cai. Do vậy, với hệ thống giảng đường, phòng học phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập tại ĐHTN đã được xây dựng trong những năm qua là hoàn toàn đáp ứng yêu cầu về công tác tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tại ĐHTN. Tất cả các phòng học của ĐHTN đều được trang bị máy chiếu, màn chiếu, đầy đủ bàn ghế, ánh sáng phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập. Một số đơn vị giảng dạy chuyên ngành ngoại ngữ như Trường Đại học Sư phạm và Khoa Ngoại ngữ đều trang bị hệ thống loa, máy tính phục vụ cho công tác học tập ngoại ngữ. Các trường thành viên đều có trung tâm thư viện với đầy đủ giáo trình, sách, tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, có hệ thống máy tính nối mạng internet, đáp ứng yêu cầu sử dụng và cán bộ giảng viên và người học, phục vụ công tác dạy – học và nghiên cứu khoa học hiệu quả.

Để phục vụ cho việc tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ĐHTN đã bố trí hệ thống phòng thi như sau:

- Hệ thống phòng thi dành cho công tác tổ chức thi với 01 phòng Hội đồng thi và 15 phòng thi, mỗi phòng có ít nhất 30 chỗ ngồi, đảm bảo tổ chức thi cho khoảng 400 thí sinh 1 lượt thi, và 02 phòng bảo quản đồ đạc của thí sinh. Phòng thi đảm bảo đảm bảo được cách ly âm thanh, sạch sẽ, đủ ánh sáng, có hệ thống camera giám sát ghi lại diễn biến liên tục tại mỗi phòng thi, kết nối với máy chủ tại phòng Hội đồng thi để giám sát. Mỗi phòng thi cũng được trang bị đầy đủ đồng hồ treo tường, hệ thống loa, âm thanh.

- Có 66 thiết bị ghi âm cho bài thi Nói, đáp ứng đủ và dự phòng cho các phòng thi.

- Có 15 máy quét an ninh cầm tay nhằm kiểm soát, ngăn chặn được việc thí sinh mang các đồ dùng, vật dụng trái phép vào phòng thi.

- Khu vực thi đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo mật và chống cháy nổ.

- Đối với công tác tổ chức thi trên máy tính, ĐHTN có trang thiết bị hiện tại với hệ thống máy chủ, thiết bị bảo vệ hợp nhất cho hệ thống, thiết bị lưu trữ dữ liệu, nguồn điện dự phòng, các thiết bị phụ trợ đảm bảo đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục – đơn vị khảo thí độc lập của ĐHTN – hiện đã được trang bị 03 phòng máy tính phục vụ cho công tác tổ chức thi với 115 máy cùng đầy đủ thiết bị đi kèm như tai nghe, micro v.v.. Sắp tới Trung tâm sẽ được đầu tư lắp đặt thêm 10 phòng máy tính nữa, tăng tổng số máy tính phục vụ tổ chức thi lên 500 máy. Ngoài ra các đơn vị thuộc ĐHTN như trường ĐH CNTT&TT và Khoa Ngoại ngữ cũng đang có hàng chục phòng máy tính hiện đại và đang tổ chức thi các dạng bài thi ngoại ngữ trên máy tính như bài thi APTIS và HSK.

- Ngoài ra, ĐHTN có trang thông tin điện tử để phục vụ tổ chức thi, các học viên, thí sinh có thể truy cập website: <http://trungtamkhaothi.tnu.edu.vn> để tra cứu thông tin về các đợt thi, phòng thi, số báo danh, lịch thi, kết quả thi và thời gian cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ.

- Khu vực làm đề thi được bố trí riêng biệt, ĐHTN có khu vực Nhà khách, được cách ly, đảm bảo bí mật, an toàn trong quá trình làm đề thi, đáp ứng quy trình xây dựng đề thi theo quy định của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh đó, ĐHTN cũng trang bị 05 máy tính xách tay được sử dụng riêng cho công tác khảo thí đánh giá năng lực ngoại ngữ bao gồm công tác ra đề thi, làm phách, nhập điểm v.v..

2.2. Phần mềm tổ chức thi trên máy vi tính

Ngày 6 tháng 12 năm 2018, ĐHTN đã ký “Biên bản thoả thuận phối hợp tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam” và sử dụng phần mềm tổ chức thi của Trung tâm Khảo thí Quốc gia thuộc Cục quản lý chất lượng, Bộ giáo dục và Đào tạo. Ngày 13 tháng 1 năm 2019, ĐHTN đã thí điểm cùng Trung tâm Khảo thí Quốc gia tổ chức kỳ thi thử năng lực ngoại ngữ trên máy tính tại ĐHTN; hai bên đã có đánh giá và kết luận cơ sở vật chất gồm phòng máy, thiết bị giám sát và phần mềm tổ chức thi hoạt động tốt, đáp ứng được yêu cầu ĐGNLNN trên máy tính.

2.3. Đội ngũ kỹ thuật viên hỗ trợ CNTT và hỗ trợ các phương tiện kỹ thuật khác

ĐHTN có trường ĐH CNTT và Truyền thông và Trung tâm CNTT có đội ngũ kỹ sư gồm các cán bộ được đào tạo chuyên ngành CNTT có năng lực chuyên môn tốt về quản lý, điều hành hệ thống thông tin thư viện, phần mềm quản lý và các phần mềm giảng dạy học tập; có đội ngũ nhân viên phục vụ đủ số lượng đáp ứng yêu cầu để sử dụng thiết bị tin học, âm thanh, video phục vụ cho việc tổ chức thi và chấm thi.

2.4. Cán bộ phân tích đề thi

Hiện nay, ĐHTN có 01 giảng viên có trình độ tiến sĩ, 04 giảng viên cơ hữu trình độ thạc sĩ và nghiên cứu sinh chuyên ngành về kiểm tra, đánh giá đo lường trong giáo dục, có khả năng phân tích đề thi.

3. Điều kiện về đội ngũ cán bộ thực hiện thi ĐGNLNN và Ngân hàng câu hỏi thi

- Về bằng cấp: Hiện nay, ĐHTN có tổng số 151 giảng viên tiếng Anh, trong đó có 34 giảng viên tiếng Anh trình độ tiến sĩ, 102 giảng viên tiếng Anh trình độ thạc sĩ và 15 giảng viên tiếng Anh trình độ đại học (Bảng 1).

Bảng 1. Trình độ cán bộ giảng dạy tiếng Anh tại ĐHTN theo từng đơn vị

STT	Đơn vị	Trình độ giảng viên			Tổng
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cử nhân	
1	Trường Đại học CNTT&TT	01	16	0	17
2	Trường Đại học Sư phạm	04	14	0	18
3	Trường Đại học Y Dược	01	07	0	08
4	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	02	15	01	18
5	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	0	15	02	17
6	Trường Đại học Nông Lâm	03	04	0	07
7	Trường Đại học Khoa học	01	11	0	12
8	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật	0	05	0	5
9	Khoa Ngoại ngữ	05	26	09	40
10	Khoa Quốc tế + Ban HTQT	01	03	02	06
11	Trung tâm PTNLNN	01	01	01	03
	Tổng	34	102	15	151

- Về năng lực ngoại ngữ: Kết quả kiểm tra khảo sát 120 giảng viên tiếng Anh do Đề án NNQG 2020 tổ chức tháng 3 năm 2013 cho thấy: có 4 giảng viên đạt trình độ B1 (chiếm 2,5%), 48 giảng viên đạt trình độ B2 (40%), 68 giảng viên đạt trình độ C1 (57,5%). Đến nay công tác chuẩn hóa năng lực ngoại ngữ cho giảng viên chuyên ngữ của ĐHTN tiếp tục được quan tâm và nâng cao hơn nữa. Số lượng giảng viên đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ C1 hoặc tương đương trở lên của ĐHTN ngày càng tăng. Cụ thể, tính đến 01/4/2019, ĐHTN đã có 135/151 giảng viên đạt trình độ C1 hoặc tương đương trở lên (Bảng 2).

Bảng 2. Năng lực ngoại ngữ của các giảng viên tiếng Anh tại ĐHTN

STT	Đơn vị	Năng lực ngoại ngữ			Tổng
		C1	B2	B1	
1	Trường Đại học CNTT&TT	13	04	0	17
2	Trường Đại học Sư phạm	16	02	0	18
3	Trường Đại học Y Dược	07	01	0	08
4	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	18	0	0	18

5	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	16	01	0	17
6	Trường Đại học Nông Lâm	07	0	0	07
7	Trường Đại học Khoa học	12	0	0	12
8	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật	01	03	01	5
9	Khoa Ngoại ngữ	37	03	0	40
10	Khoa Quốc tế + Ban HTQT	06	0	0	06
11	Trung tâm PTNLNN	02	01	0	03
	Tổng	135	15	01	151

3.1. Cán bộ ra đề

Trong số 151 giảng viên tiếng Anh, ĐHTN đã cử 15 giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng cán bộ ra đề tại Đại học Ngoại ngữ - ĐH Huế và 14 trong số đó đã được cấp chứng chỉ, đáp ứng đủ số lượng theo yêu cầu trong Điều 5 của Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT.

Cán bộ ra đề thi đều đáp ứng yêu cầu đầu vào theo Quyết định số 2912/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Ban hành Chương trình bồi dưỡng cán bộ ra đề thi theo các định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Cụ thể:

- Có chứng chỉ năng lực ngoại ngữ tiếng Anh không thấp hơn bậc 5 theo KNLNN;
- Có bằng thạc sĩ một trong các chuyên ngành về ngôn ngữ tiếng Anh, phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ học, hoặc ngôn ngữ học ứng dụng.
- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

3.2. Cán bộ chấm thi

ĐHTN cũng đã cử nhiều giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng cán bộ chấm thi (CBCT) nói và viết bậc 2 và bậc 3-5 theo định dạng đề thi theo KNLNN dùng cho Việt Nam và đã có 22 giảng viên được Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN cấp chứng chỉ CBCT nói và viết VSTEP 3-5, đáp ứng đủ số lượng CBCT nói viết theo quy định tại Điều 5 của Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT.

Cán bộ chấm thi của ĐHTN đều đáp ứng yêu cầu đầu vào theo Quyết định số 2913/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Ban hành Chương trình bồi dưỡng Cán bộ chấm thi nói và viết theo các định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Cụ thể:

- Có chứng chỉ năng lực ngoại ngữ tiếng Anh không thấp hơn bậc 5 theo KNLNN hoặc tương đương, trong đó kết quả đánh giá năng lực nói và viết không thấp hơn mức quy đổi tương đương bậc 4 theo KNLNN;

- Có bằng thạc sĩ một trong các chuyên ngành về ngôn ngữ tiếng Anh, phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ học, hoặc ngôn ngữ học ứng dụng;

- Có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm liên tục giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục và đào tạo.

3.3. Ngân hàng câu hỏi thi

ĐHTN đã thành lập Ban Xây dựng đề thi của ĐHTN bao gồm các chuyên gia là các giảng viên trong và ngoài ĐHTN tham gia xây dựng ngân hàng đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh. Tính đến tháng 6 năm 2018, ĐHTN có 60 bộ đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và 30 bộ đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh bậc 2 (dành cho người lớn) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Trong thời gian tới (từ năm 2020) ĐHTN sẽ tiến hành bổ sung, xác trị và hoàn thiện câu hỏi thi và đề thi theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo, và sẽ đưa vào sử dụng.

Trong năm 2019, ĐHTN sẽ sử dụng bộ đề thi trên máy tính của Trung tâm Khảo thí Quốc gia.

3.4. Định dạng đề thi và cách đánh giá (với đề thi tiếng Anh)

3.4.1. Đề thi bậc 2

Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (dành cho người lớn), gồm: cấu trúc đề thi, cách tính điểm thi và mô tả năng lực ứng với điểm thi.

Cấu trúc đề thi

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
Nghe	Kiểm tra các tiêu chí năng lực Nghe khác nhau, có độ khó của bậc 2: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu giải thích.	Khoảng 25 phút, bao gồm thời gian 5 phút chuyển kết quả sang phiếu trả lời.	5 phần, 25 câu, trong đó có 15 câu hỏi nhiều lựa chọn và 10 câu điền từ vào chỗ trống.	Thí sinh nghe các đoạn thông báo ngắn, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn và câu hỏi điền từ vào chỗ trống đã in sẵn trong đề thi

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
Đọc	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó bậc 2 đến bậc 3 thấp: hiểu từ vựng; đoán từ vựng trong ngữ cảnh, đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, định vị thông tin.	40 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời	4 phần, 30 câu, trong đó có 15 câu hỏi nhiều lựa chọn, 8 câu ghép ứng với nội dung của các thông báo ngắn và 7 câu trả lời câu hỏi.	Thí sinh đọc các dạng văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 2 đến bậc 3 mức thấp với tổng số từ dao động từ 700-750 từ. Thí sinh lựa chọn câu trả lời đúng trong số các lựa chọn cho trước hoặc điền thông tin còn thiếu vào phiếu thông tin.
Viết	Kiểm tra kỹ năng viết câu và mệnh đề đơn giản, viết và trả lời thư, viết ghi nhớ, tin nhắn, lời nhắn, bưu thiếp.	35 phút	3 bài viết	Phần 1: Thí sinh viết 5 câu hoàn chỉnh từ những cụm từ cho sẵn. Phần 2: Thí sinh viết một tin nhắn/một bản ghi nhớ trong công việc theo những yêu cầu cho sẵn. Phần 3: Thí sinh viết một bức thư /một bưu thiếp liên quan đến cuộc sống hàng ngày theo những yêu cầu cho sẵn.
Nói	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: giao tiếp xã hội, trao đổi thông tin, khởi đầu, duy trì và kết thúc hội thoại, nêu ý kiến, giải thích ý kiến, gợi ý và trả lời gợi ý, miêu tả, so sánh.	10 phút (bao gồm 2 phút chuẩn bị)	4 phần	Phần 1: <i>Chào hỏi</i> Phần 2: <i>Tương tác xã hội</i> Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Thí sinh đặt tối đa 2 câu hỏi. Phần 3: <i>Miêu tả</i> Thí sinh miêu tả người, đồ vật, hoặc môi trường sống, làm việc và học tập cụ thể. Phần 4: <i>Thảo luận</i>

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
				Thí sinh được cung cấp một ý kiến và một gợi ý liên quan đến ý kiến. Thí sinh trả lời đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến và gợi ý đó.

Cách tính điểm thi và mô tả năng lực ứng với điểm thi

a. Cách tính điểm thi

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết, Nói được đánh giá hoặc quy đổi về thang điểm từ 0 đến 25.
- Điểm của bài thi được cộng từ điểm của mỗi kỹ năng thi, tối đa là 100 điểm, sau đó quy về thang điểm 10, làm tròn đến 0,5 điểm; được sử dụng để xác định mức Đạt hay Không đạt.
- Yêu cầu đối với mức Đạt: Có kết quả thi của cả 4 kỹ năng thi, tổng điểm của cả 4 kỹ năng đạt từ 6,5 điểm trở lên.

b. Mô tả năng lực ứng với điểm thi

Mức	Điểm	Mô tả tổng quát
Đạt bậc 2	>7,5	Thí sinh có thể định vị và hiểu các chi tiết cơ bản như các số lớn, danh từ ghép liên quan tới các chủ đề quen thuộc như trường học hoặc mua sắm; có thể đoán nghĩa các từ vựng đơn giản trong ngữ cảnh; nhận ra thông tin được diễn giải rõ ràng theo cách khác, xác định được các kết luận chính hay lập luận trong văn bản được trình bày rõ ràng và có chủ đề quen thuộc. Thí sinh có khả năng thực hiện được các chức năng giao tiếp xã hội căn bản, có khả năng miêu tả và trao đổi ý kiến một cách ngắn gọn về các vấn đề cụ thể, quen thuộc trong các tình huống giao tiếp xã hội hàng ngày; có thể đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, khởi đầu, duy trì và kết thúc một cuộc hội thoại ngắn và đơn giản; có thể viết thư từ giao dịch hay thư từ cá nhân cung cấp thông tin hay diễn đạt những thông điệp tương đối chi tiết về các chủ đề quen thuộc. Thí sinh kiểm soát được từ ngữ cơ bản, cấu trúc đơn giản, thỉnh thoảng mắc lỗi nhưng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.

Mức	Điểm	Mô tả tổng quát
	6,5-7,5	Thí sinh có thể định vị và hiểu được chi tiết cơ bản, dễ đoán trong các diễn đạt và các văn bản ngắn và đơn giản ở dạng nói và dạng viết thường xuyên được sử dụng trong các tình huống quen thuộc (ví dụ như các thông tin về cá nhân, gia đình, mua sắm, công việc); có thể thực hiện được các chức năng giao tiếp thông thường như chào hỏi, giới thiệu bản thân, đề nghị, mời mọc, cảm ơn cũng như mô tả và trao đổi được về những chủ điểm quen thuộc trong các tình huống đơn giản trong đời sống hàng ngày. Thí sinh cũng có thể viết một cách ngắn gọn và đơn giản về các chủ điểm gần gũi hàng ngày và sử dụng các cụm từ, các câu đơn và các công cụ liên kết câu cơ bản.
Không đạt bậc 2	< 6,5	Thí sinh có khả năng hiểu nhưng thường chưa đầy đủ các chi tiết về thời gian, số, tên riêng... trong các văn bản ngắn và đơn giản ở dạng nói và dạng viết thường xuyên được sử dụng trong các tình huống quen thuộc như thời gian biểu, các mẫu quảng cáo, các trao đổi hay thư từ cá nhân. Thí sinh có thể thực hiện được các chức năng giao tiếp xã hội căn bản như giới thiệu bản thân, cảm ơn, xin lỗi nhưng ngôn ngữ sử dụng rất hạn chế. Chiến lược giao tiếp mà thí sinh sử dụng (nếu có) chỉ ở mức đơn giản như đề nghị giám khảo nhắc lại yêu cầu hoặc câu hỏi khi không hiểu hoặc chưa hiểu rõ và diễn đạt điều mình muốn nói bằng ngôn ngữ cử chỉ hoặc biểu cảm khi không thể diễn đạt bằng ngôn từ. Thí sinh cũng có thể viết những cụm từ, câu tách biệt, ngắn về bản thân, nơi sống và công việc và có thể viết được bưu thiếp ở mức rất ngắn gọn, đơn giản; sử dụng được một số từ vựng cơ bản gồm các từ, cụm từ biệt lập thuộc các tình huống cụ thể cũng như sử dụng được một cách rất hạn chế một số cấu trúc ngữ pháp, mẫu câu, phương tiện liên kết,... Tuy nhiên, vẫn mắc nhiều lỗi sử dụng từ và cấu trúc cơ bản một cách hệ thống.

3.4.2. Đề thi bậc 3-5:

Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, gồm: cấu trúc đề thi và quy định về quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực dành cho người Việt Nam học và sử dụng tiếng Anh.

Cấu trúc đề thi

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
Nghe	Kiểm tra các tiểu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài.	Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu trả lời.	3 phần, 35 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn đã in sẵn trong đề thi.
Đọc	Kiểm tra các tiểu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.	60 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu trả lời.	4 bài đọc, 40 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi nhiều lựa chọn sau mỗi bài đọc.
Viết	Kiểm tra kỹ năng Viết tương tác và Viết luận (viết sản sinh).	60 phút	2 bài viết	<p>Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ. Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết.</p> <p>Bài 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng lí do và ví dụ cụ thể để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.</p>
Nói	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình	12 phút	3 phần	<p>Phần 1: <i>Tương tác xã hội</i></p> <p>Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2</p>

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
	bày một vấn đề.			<p>chủ đề khác nhau.</p> <p>Phần 2: <i>Thảo luận giải pháp</i></p> <p>Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phản biện các giải pháp còn lại.</p> <p>Phần 3: <i>Phát triển chủ đề</i></p> <p>Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.</p>

Quy định về quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực

a. Cách tính điểm thi

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết và Nói được đánh giá trên thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến 0,5 điểm.
- Điểm trung bình của 4 kỹ năng, làm tròn đến 0,5 điểm, được sử dụng để xác định bậc năng lực sử dụng tiếng Anh.

b. Bảng quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực

Điểm trung bình	Bậc năng lực	Mô tả tổng quát
Dưới 4,0	Không xét	Không xét khi sử dụng định dạng đề thi này.
4,0 – 5,5	3	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực về câu từ, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng tiếng Anh. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lí do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.

Điểm trung bình	Bậc năng lực	Mô tả tổng quát
6,0 – 8,0	4	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
8,5 – 10	5	Có thể hiểu nhiều loại văn bản khó, dài, và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt lưu loát, tức thì, và không thể hiện rõ rệt việc phải tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng tốt các kiểu tổ chức văn bản, liên từ và các phương tiện liên kết.

4. Kế hoạch tổ chức thi

4.1. Phương thức tổ chức thi

ĐHTN dự kiến tổ chức thi bằng hai hai phương thức:

- + Thi trên máy tính: ĐHTN đã hợp tác với Trung tâm Khảo thí Quốc gia xây dựng kế hoạch thi trên máy tính, sử dụng hệ thống ngân hàng câu hỏi thi hiện có của Trung tâm Khảo thí quốc gia
- + Thi trên giấy: khi có ngân hàng câu hỏi thi và đề thi chuẩn hoá theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, hoặc hợp tác với đơn vị có ngân hàng câu hỏi thi và đề thi chuẩn hoá.

4.2. Mẫu phiếu đăng ký dự thi (xem phụ lục)

4.3. Lịch thi dự kiến năm 2019

Trong năm 2019, ĐHTN sẽ phối hợp với Trung tâm Khảo thí Quốc gia tổ chức thi theo lịch dự kiến như sau:

STT	Ngày thi	Bài thi bậc	Hình thức thi	Hạn nộp hồ sơ	Ghi chú
1.	21-23/07/2019	2, 3, 4, 5	Thi trên máy tính	10/07/2019	<i>Ngày thi có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế</i>
2.	16-18/08/2019	2, 3, 4, 5	Thi trên máy tính	05/08/2019	
3.	23-25/08/2019	2, 3, 4, 5	Thi trên máy tính	12/08/2019	
4.	13-15/09/2019	2, 3, 4, 5	Thi trên máy tính	02/09/2019	
5.	20-22/09/2019	2, 3, 4, 5	Thi trên máy tính	09/09/2019	
6.	11-13/10/2019	2, 3, 4, 5	Thi trên máy tính	30/09/2019	
7.	25-27/10/2019	2, 3, 4, 5	Thi trên máy tính	14/10/2019	
8.	08-10/11/2019	2, 3, 4, 5	Thi trên máy tính	28/10/2019	
9.	15-17/11/2019	2, 3, 4, 5	Thi trên máy tính	04/11/2019	
10.	30/11-01/12/2019	2, 3, 4, 5	Thi trên máy tính	19/11/2019	
11.	13-15/12/2019	2, 3, 4, 5	Thi trên máy tính	02/12/2019	
12.	27-29/12/2019	2, 3, 4, 5	Thi trên máy tính	16/12/2019	

Lịch thi các năm tiếp theo sẽ được công khai trên website của ĐHTN: <http://trungtamkhaothi.tnu.edu.vn>

4.4. Đối tượng dự thi: Các cá nhân có nhu cầu được đánh giá năng lực ngoại ngữ hoặc có nhu cầu được cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

4.5. Kinh phí dự thi: 1.500.000đ

4.6. Phương thức nộp hồ sơ và đóng kinh phí: Nộp Hồ sơ dự thi và đóng Lệ phí thi theo 2 cách:

Cách 1: Thí sinh đến đăng kí trực tiếp tại Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng Giáo dục - ĐHTN, phường Tân Thịnh – tp Thái Nguyên. Hồ sơ đăng ký dự thi bao gồm:

+ Phiếu đăng kí dự thi (theo mẫu)

+ 1 bản sao có công chứng một trong những giấy tờ tùy thân còn hiệu lực sau: Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, hộ chiếu, thẻ học sinh (với đối tượng dự thi là học sinh tiểu học hoặc trung học cơ sở)

+ 04 ảnh 4x6 chụp không quá 6 tháng trước ngày đăng ký dự thi (01 ảnh dán vào đơn dự thi và 03 ảnh gửi kèm)

Cách 2: Nộp Lệ phí thi qua ngân hàng và nộp Hồ sơ thi qua bưu điện. Thí sinh thực hiện tuần tự 2 việc sau:

- Nộp tiền qua ngân hàng:

+ Tên tài khoản: Đại học Thái Nguyên

+ Số tài khoản: 39010000634794; mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thái Nguyên (BIDV Thái Nguyên)

+ Nội dung ghi: <họ và tên>-<số CMND/CCCD/HC>-<số điện thoại di động>-<ngôn ngữ trình độ>-<ngày thi>


Ví dụ: Nguyễn Văn A-12344321-0912345543-tiếng Anh bậc 3-21/07/2019

- Nộp hồ sơ thi qua bưu điện bằng chuyển phát nhanh

+ Hồ sơ thi bao gồm: Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu) + 1 bản sao có công chứng Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu + Bản photo Giấy nộp tiền qua ngân hàng.

+ Hồ sơ thi gửi đến: Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng Giáo dục - Đại học Thái Nguyên – phường Tân Thịnh – tp. Thái Nguyên

5. Cam kết thực hiện đề án

ĐHTN cam kết tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đúng quy chế, trung thực, chính xác, khách quan, minh bạch, phản ánh đúng năng lực ngoại ngữ của người học về 4 kỹ năng sử dụng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết. 

GIÁM ĐỐC

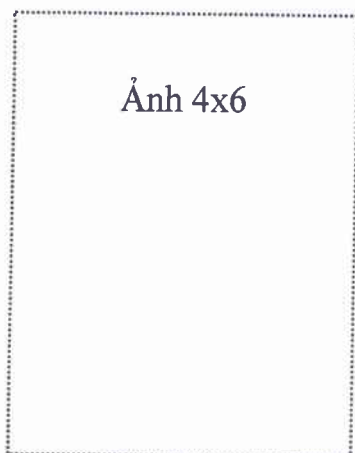


GS.TS. Phạm Hồng Quang

6. Phụ lục

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KHẢO THÍ & QLCLGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



MÃ HS:

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

Họ và tên: _____ Giới tính: Nam Nữ

Ngày sinh: _____ Nơi sinh: _____

Địa chỉ liên hệ: _____

Địa chỉ nơi công tác (hoặc nơi học tập): _____

Số CMND: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Điện thoại: _____ Email: _____

Đăng ký dự thi trình độ:

- Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:

A2

B1

B2

C1

- Đợt thi ngày: _____

Tôi hiểu các thông tin cá nhân mà tôi cung cấp trong đơn này sẽ được ghi vào **Chứng chỉ năng lực tiếng Anh** nếu kết quả thi đạt yêu cầu, tôi bảo đảm thông tin trên là hoàn toàn chính xác. Tôi xin chấp hành đúng và đầy đủ Quy chế thi cũng như những quy định của Hội đồng thi đánh giá năng lực tiếng Anh của Đại học Thái Nguyên.

_____, ngày _____ tháng _____ năm 20____

Người đăng ký dự thi

(Ký và ghi rõ họ tên)

*Ghi chú:

- Yêu cầu thí sinh điền đầy đủ các thông tin cá nhân đã được nêu trong đơn đăng ký dự thi.
- Thí sinh nộp kèm theo đơn đăng ký dự thi 01 bản sao CMND (Không mờ, nhòe) và 04 ảnh 3x4.
- Khi đi thi thí sinh mang theo Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ sinh viên để xuất trình vào phòng thi.
- Các thí sinh nên theo dõi các thông tin liên quan đến kỳ thi trên website: <http://trungtamkhaothi.tnu.edu.vn/>